Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 63, No 1 (2022) 134-139

GINGIVAL STATUS AMONG FIRST-YEAR AND THIRD-YEAR DENTAL STUDENTS IN HA NOI MEDICAL UNIVERSITY DURING 2020-2021

Le Long Nghia[1], Do Hoang Viet[1], Nguyen Bich Ngoc[1], Le Phuong Hoa[1], Phung Lam Toi[2], Hoang Bao Duy[1,*]

[1]*School of Dentistry, Hanoi Medical University - No.1 Ton That Tung, Dong Da, Hanoi, Vietnam*
[2]*Health Strategy and Policy Institute, Ministry of Health- 138A Giang Vo, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam*

Received 31/08/2021
Revised 01/10/2021; Accepted 25/11/2021

ABSTRACT

Objective: To evaluate the gingival status among dental students (first-year students and third-year students) in Ha Noi Medical University.

Method: A cross-sectional study using the gingival index (GI).

Result: The prevalence of gingivitis was 90,4% (first-year student 86,96%, third-year students 94,64%).

Conclusion: The prevalence of gingivitis was high. Properly designed oral health educational programs should be implemented to improve their knowledge and behavior toward oral health.

Keywords: Gingivitis, oral hygiene, gingival status, dental student.

*Corressponding author
Email address: drhoangbaoduy@gmail.com
Phone number: (+84) 925 996 886
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i1.272

TÌNH TRẠNG LỢI CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT VÀ NĂM THỨ BA CHUYÊN NGÀNH RĂNG HÀM MẶT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM HỌC 2020-2021

Lê Long Nghĩa[1], Đỗ Hoàng Việt[1], Nguyễn Bích Ngọc[1], Lê Phương Hoa[1], Phùng Lâm Tới[2], Hoàng Bảo Duy[1,*]

[1]*Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt - trường Đại học Y Hà Nội - Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam*
[2]*Viện Chiến lược và Chính sách Y tế - Bộ Y tế - 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận bài: 31 tháng 08 năm 2021
Chỉnh sửa ngày: 01 tháng 10 năm 2021; Ngày duyệt đăng: 25 tháng 11 năm 2021

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nhận xét tình trạng lợi của sinh viên năm thứ nhất và sinh viên năm ba chuyên ngành Răng Hàm Mặt Đại học Y Hà Nội năm học 2020 – 2021.

Phương pháp: Mô tả cắt ngang, đánh giá viêm lợi qua thăm khám lâm sàng chỉ số lợi GI.

Kết quả: Tỷ lệ viêm lợi chung: 90,4%; ở sinh viên năm thứ nhất là 86,96%; sinh viên năm thứ ba là 94,64%.

Kết luận: Tỷ lệ viêm lợi ở mức rất cao. Cần có sự nâng cao về kiến thức chăm sóc sức khỏe răng miệng và thúc đẩy hành vi chăm sóc răng miệng đúng cách, từ đó cải thiện tình trạng lợi.

Từ khóa: Viêm lợi, vệ sinh răng miệng, tình trạng lợi, sinh viên nha khoa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm lợi là một bệnh răng miệng ngày càng phổ biến và có xu hướng gia tăng trong cộng đồng dù ở bất kì nhóm đối tượng nào. Trong khi đó, bệnh viêm lợi có thể dự phòng và hầu hết các phương pháp dự phòng đều là những là kiến thức chăm sóc sức khỏe răng miệng cơ bản, không phức tạp, dễ thực hiện.

Mặc dù vậy, ở nhóm đối tượng là sinh viên y khoa, dù có đặc thù ngành Y có kiến thức và ý thức sức khỏe nhưng theo các nghiên cứu gần đây tình trạng viêm lợi vẫn ở mức cao. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Trang, Lê Long Nghĩa [1] tỷ lệ viêm lợi của sinh viên nội trú trường Đại học Y Hà Nội vào năm 2007 lên đến 87,7%. Bên cạnh đó, trong một số nghiên cứu nước ngoài về viêm lợi, tỷ lệ viêm lợi cũng ở mức cao: theo nghiên cứu của Bessa MA (2008) [2] trên 889 học sinh từ 15-19 tại Manaus, Brazil có 94,71% học sinh viêm lợi (trong đó chủ yếu là viêm lợi nhẹ). Nghiên cứu của Abubakr Omar Mohamed Abdelsalam (2018) [3] trên 385 học sinh tại bang Khartoum đưa ra tỷ lệ viêm lợi lên đến 96.9%.

*Tác giả liên hệ
Email: drhoangbaoduy@gmail.com
Điện thoại: (+84) 925 996 886
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i1.272

Vậy khi đối tượng là những sinh viên năm thứ nhất và năm thứ ba chuyên ngành Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Hà Nội, là những bác sĩ tương lai sẽ bảo vệ sức khoẻ răng miệng của cộng đồng thì sẽ có tình trạng lợi khác biệt hay không. Đặc biệt, ở Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu về tình trạng lợi của sinh viên nha khoa, chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên đối tượng sinh viên năm thứ nhất và sinh viên năm thứ ba chuyên ngành RHM. Nhóm sinh viên năm thứ nhất là nhóm đối tượng vừa bắt đầu học tập tại trường, chưa có nhiều kiến thức về chuyên ngành cũng như ý thức về chăm sóc sức khỏe răng miệng. Còn nhóm sinh viên năm thứ ba – nhóm đối tượng đã được học nhiều môn chuyên ngành Răng Hàm Mặt như nội nha, nha chu, nha cộng đồng… và cũng đã được học tập lâm sàng về sức khỏe răng miệng. Đánh giá trên hai nhóm đối tượng này không chỉ nhận định được tình trạng chung về sức khỏe răng miệng của sinh viên Răng Hàm Mặt mà còn thấy được sự ảnh hưởng của kiến thức chuyên ngành vào thực tế chăm sóc răng miệng của sinh viên, từ đó đề xuất biện pháp cải thiện.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ nhất và năm thứ ba Trường Đại học Y Hà Nội, đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Những đối tượng không tự nguyện tham gia nghiên cứu, không đeo hàm giả, khí cụ chỉnh nha tháo lắp/cố định.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu

Lấy toàn bộ sinh viên năm thứ nhất và sinh viên năm thứ ba chuyên ngành Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 đạt tiêu chuẩn chọn lựa.

Thực tế chúng tôi khám được 125 sinh viên, trong đó bao gồm 69 sinh viên năm thứ nhất và 56 sinh viên năm thứ ba.

2.2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Chọn các đối tượng thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn. Sau đó, thu thập thông tin họ tên, tuổi, lớp, giới và qua phiếu khám và các đối tượng được khám lâm sàng theo chỉ số lợi GI (Gingival Index).

Với chỉ số GI (theo Loe, Silness 1963), chúng tôi dùng cây thăm dò, thăm dò lợi ở 4 mặt răng: gần, xa, ngoài, trong ở tất cả các răng.

Bảng 1. Các phân độ GI

Phân độ	Chỉ số GI	Đánh giá	Chỉ số GI
Độ 0	Lợi bình thường, thăm sonde không chảy máu.	Lợi bình thường	0
Độ 1	Lợi viêm nhẹ. Màu thay đổi thăm sonde không chảy máu.	Lợi viêm nhẹ	0.1- 1
Độ 2	Lợi viêm trung bình. Màu lợi thay đổi, thăm sonde chảy máu.	Lợi viêm trung bình	1.1- 1.9
Độ 3	Lợi viêm nặng. Lợi nề đỏ. Chảy máu khi thăm và cháy máu tự nhiên.	Lợi viêm nặng	2.0- 3.0

Lợi được đánh giá là khỏe mạnh khi có GI độ 0, lợi viêm bao gồm các đối tượng có GI độ 1, độ 2, độ 3.

2.2.4. Nhóm nghiên cứu

Hai sinh viên Y6 chuyên khoa Răng Hàm Mặt (lớp Y6H, năm học 2020-2021 Viện đào tạo Răng Hàm Mặt – trường Đại học Y Hà Nội) tiến hành thăm khám dưới sự giám sát của giảng viên.

Các sinh viên được tập huấn khám nhằm thống nhất phương pháp phỏng vấn và phương pháp khám, thống nhất phương pháp phỏng vấn và phương pháp khám, thống nhất sử dụng bộ câu hỏi và cách khám bệnh nhân, có trách nhiệm và tuyệt đối tuân thủ quy trình nghiên cứu khoa học, nắm vững mục tiêu và yêu cầu nghiên cứu.

Trong khi tập huấn, chọn ra 5-10% sinh viên trong mẫu nghiên cứu, tiến hành khám cùng khám mỗi đối tượng hai sinh viên khám để đánh giá độ tin cậy giữa hai người khám. Đánh giá độ tin cậy bằng chỉ số Kappa (Theo Cohem, 1960). Trong nghiên cứu này, kết quả

thu được chỉ số Kappa bằng 0,83 - 0,85, từ đó chúng tôi kết luận là đạt được sự nhất trí cao.

2.2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Nhập dữ liệu qua Excel và xử lý và phân tích bằng phần mềm Stata 14.0 và thuật toán Fisher's Exact Test. Mức ý nghĩa thống kê p<0,05 được áp dụng.

2.2.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của đối tượng nghiên cứu. Các quy trình khám đảm bảo vô khuẩn, trong khi khám nếu phát hiện tình trạng bệnh lý về răng miệng các đối tượng sẽ được tư vấn tại chỗ. Kết quả nghiên cứu chỉ sử dụng trong nghiên cứu khoa học chứ không nhằm mục đích gì khác.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Phân bố mẫu theo giới

Đặc điểm		Tổng		Năm thứ 1		Năm thứ 3	
		SL	%	SL	%	SL	%
Giới	*Nam*	56	44,8	33	47,8	23	41,1
	Nữ	69	55,2	36	52,2	33	58,9
Tổng		125	100	69	100	56	100

Nghiên cứu được tiến hành trên 125 sinh viên (69 sinh viên năm thứ nhất và 56 sinh viên năm thứ ba) chuyên ngành Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021, trong số đó, sinh viên nữ chiếm tỉ lệ 55,2%, và nam chiếm tỉ lệ 44,8%. Tính riêng từng nhóm đối tượng, ở sinh viên năm nhất, tỉ lệ nữ là 52,2% và tỉ lệ nam là 47,8%, trong khi ở sinh viên năm thứ ba thì khoảng cách tỉ lệ giữa hai nhóm sinh viên nữ và nam có hiệu số lớn hơn (58,9% nữ so với 41,1% nam).

Các nhóm sinh viên tại thời điểm nghiên cứu đều học khoa Răng Hàm Mặt tại trường Đại học Y Hà Nội, năm học 2020 – 2021.

3.2. Kết quả tình trạng lợi

Bảng 3. Tình trạng viêm lợi

Tình trạng lợi	Năm thứ 1		Năm thứ 3		Tổng		p
	SL	%	SL	%	SL	%	
Viêm lợi	60	86,96	53	94,64	113	90,40	0,223
Không viêm lợi	9	13,04	3	5,36	12	9,6	
Tổng	69	100	56	100	125	100	

Tỷ lệ viêm lợi chung ở mức cao (90,4%). Tỷ lệ viêm lợi ở sinh viên năm thứ nhất là 86,96%, ở sinh viên năm thứ ba là 94,64%.

Bảng 4. Phân bố tỷ lệ viêm lợi ở hai nhóm nghiên cứu theo giới

Sinh viên	Giới	Tổng	Viêm lợi		Không viêm lợi		p
			SL	%	SL	%	
Năm thứ 1	Nam	33	27	81,82	6	18,18	0,294
	Nữ	36	33	91,67	3	8,33	
Năm thứ 3	Nam	23	22	95,65	1	4,35	1,000
	Nữ	33	31	93,94	2	6,06	
Tổng	Nam	56	49	87,5	7	12,5	0,371
	Nữ	69	64	92,75	5	7,25	

Tỷ lệ viêm lợi chung ở nam (87,5%) thấp hơn ở nữ (92,75%), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với p>0,05. Ở nhóm sinh viên năm thứ nhất, tỷ lệ viêm lợi ở nam (81,82%) thấp hơn ở nữ (91,67%), p>0,05. Ở nhóm sinh viên năm thứ ba, tỷ lệ viêm lợi ở nữ (93,94%) thấp hơn ở nam (95,65%), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với p>0,05.

Bảng 5. Phân bố mức độ viêm lợi của sinh viên năm thứ nhất và năm thứ ba

Mức độ GI	Năm thứ 1		Năm thứ 3		Tổng		p
	SL	%	SL	%	SL	%	
Độ 0	9	13,04	3	5,36	12	9,60	0,306
Độ 1	56	81,16	51	91,07	107	85,60	
Độ 2	4	5,80	2	3,57	6	4,80	
Độ 3	0	0	0	0	0	0	
Tổng	69	100	56	100	125	100	

Trong 125 đối tượng nghiên cứu, GI độ 1 chiếm tỷ lệ cao nhất với 85,60%, thấp hơn là GI độ 0 với 9,60%, cuối cùng là GI độ 2 với 4,8%. Không có sinh viên có GI độ 3. Ở cả hai nhóm sinh viên năm nhất và năm ba GI mức độ 1 chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt 81,16% và 91,07%.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 125 đối tượng cho thấy tỷ lệ viêm lợi chung đang chiếm tỷ lệ khá cao 90,4%. Nghiên cứu của Bessa MA (2008) trên 889 học sinh từ 15-19 tại Manaus, Brazil đã đưa ra kết quả 94,71% viêm lợi (trong đó chủ yếu là viêm lợi nhẹ). Nghiên cứu của Abubakr Omar Mohamed Abdelsalam (2018) trên 385 học sinh tại bang Khartoum đưa ra tỷ lệ viêm lợi 96.9%. Tỷ lệ viêm lợi ở nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn có thể do so với đối tượng học sinh, sinh viên y khoa vẫn có ý thức chăm sóc sức khỏe răng miệng tốt hơn. Mặc dù vậy, tỷ lệ viêm lợi chung ở nghiên cứu của chúng tôi đang ở mức khá cao 90,4%, cao hơn hầu hết các nghiên cứu trong nước. Năm 2007, Nguyễn Thị Như Trang, Lê Long Nghĩa nghiên cứu trên đối tượng sinh viên nội trú Trường Đại học Y Hà Nội cũng đã cho kết quả tỷ lệ viêm lợi khá cao (87,7%). Ngoài ra so với nghiên cứu trên 1970 sinh viên tại Trung Quốc của Rui Hou, Yong Mi và cộng sự (2014) [4] đã cho thấy tỷ lệ viêm lợi là 59,5%. Điều này không tương đồng khi mà nhóm đối tượng mà chúng tôi nghiên cứu là sinh viên y, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành răng hàm mặt – nhóm đối tượng có khả năng tốt hơn về kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc vệ sinh răng miệng. Để lý giải cho điều này, chúng tôi cho rằng có thể do sự khác biệt

giữa chỉ số GI các răng đại diện và chỉ số GI toàn hàm. Ở nghiên cứu của chúng tôi sử dụng chỉ số GI tất cả các răng, hạn chế được tình trạng bỏ sót viêm ở nhóm răng không thuộc răng đại diện.

Qua bảng 4 xét thấy tỷ lệ viêm lợi theo giới của nhóm đối tượng nghiên cứu có sự chênh lệch không nhiều: tỷ lệ viêm lợi chung ở nam là 87,5% thấp hơn ở nữ (92,75%) với p>0,05. Kết quả này có sự khác biệt với kết quả nghiên cứu của John W.Stamm 1986 [5]. Theo John W.Stamm, tình trạng viêm lợi chung ở nam thường cao hơn ở nữ ở hầu hết các lứa tuổi. Nghiên cứu năm 2014 của Rui Hou và Yong Mi cũng cho thấy tỷ lệ viêm lợi ở nam (61.9%) cao hơn nữ (58.72%). Tuy có sự khác biệt giữa các nghiên cứu nhưng nhìn chung, mức độ chênh lệch tỷ lệ viêm lợi ở hai giới đều không quá lớn. Xét riêng với nhóm sinh viên năm thứ nhất, tỷ lệ viêm lợi ở nam (81,82%) thấp hơn ở nữ (91,67%), p>0,05. Đối với nhóm sinh viên năm thứ ba, tỷ lệ viêm lợi ở nam (95,65%) cao hơn ở nữ (93,94%) với p>0,05. Vì vậy để đánh giá sự khác biệt về giới đối với tỷ lệ viêm lợi cần có những nghiên cứu lớn hơn trên cộng đồng.

Đánh giá mức độ viêm lợi theo chỉ số GI: GI độ 1 chiếm tỷ lệ cao nhất với tổng chiếm 85,6%, tiếp đến là GI độ 0 với 9,6%, GI độ 2 chiếm 4,8% và không có sinh viên nào có GI độ 3. Khi so sánh với nghiên cứu trong nhóm sinh viên nha khoa tại Đại học Tharma,Yemen, Abdullah Ghalib Amran [6], ta thấy có sự tương đồng. Nghiên cứu của Đại học Therma đã đưa ra tỷ lệ GI độ 0 là 7,69%, 65,64% độ 1 và 26,67% độ 2, cả hai nghiên cứu đều không ghi nhận sinh viên có GI độ 3 và tỉ lệ GI độ 1 là cao nhất. Ali S Alghamdi [7] nghiên cứu trên trẻ em trung học ở Ả Rập Xê Út độ tuổi 15-19 vào năm 2020 cho kết quả 21% viêm lợi nhẹ, 42,3% trung bình và 1,8% viêm nặng.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ viêm lợi chung đều cao ở cả hai nhóm đối tượng nghiên cứu. Hầu hết sinh viên có viêm lợi nhẹ, ở cả hai nhóm đối tượng nghiên cứu đều không có sinh viên bị viêm lợi nặng. Từ đó, chúng tôi kiến nghị nhà trường nên tổ chức các chương trình khám răng miệng định kì cho sinh viên các khối để phát hiện sớm các bệnh lý viêm lợi, sâu răng… Cần tăng cường tuyên truyền chăm sóc răng miệng, hướng dẫn CSRM… và tăng quỹ thời gian cho các học phần thực hành CSRM, nha cộng đồng để sinh viên răng hàm mặt nắm chắc được các kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe răng miệng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Trang NTT, Nghia LL, Assessment of gingival status among resident doctors in Hanoi Medical University from June 2006 to March 2007. Journal of Practical Medicine, 2007; 681: 58 - 60.

[2] Maria ABG, Márcia CL, Janete MRV et al., Dental caries and gingivitis among 15 to 19 year-old students in Manaus, AM, Brazil. Braz Oral Res, 2008; 23(3): 248-254.

[3] Abubakr OMA, Ibrahim AG, Prevalence of Chronic Gingivitis Among 16 Years Old Public High School Students in Khartoum. MED PHoenix : An Official Journal of NMC, Birgunj, Nepal, 2018; 3(1): 1.

[4] Rui H, Yong M, Quanhong X et al., Oral health survey and oral health questionnaire for high school students in Tibet, China. Head Face Med, 2014; 10(1): 17.

[5] WT, J., Epidemiology of gingivitis. J Clin Periodontol 1986, 1986; 13: 360-366.

[6] Abdullah G. A, Mohammed N. A, Assessment of Gingival Health Status among a Group of Preclinical and Clinical Dental Students at Thamar University, Yemen. IOSR Journal of Dental and Medical Sciences, 2016; 15(2): 69-75.

[7] AlGhamdi AS, Almarghlani AA, Alyafi RA et al., Gingival health and oral hygiene practices among high school children in Saudi Arabia. Ann Saudi Med., 2020; 40(2): 126-135.